

Bản án số: 108/2020/DS-ST

Ngày: 01/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Phương.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST-DS ngày 12/02/2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-DS ngày 23/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/QĐST-DS ngày 14/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S; địa chỉ: Lầu 8, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Trường G, sinh năm 1994; địa chỉ: Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 859/2020/UQ-TTT ngày 01/6/2020).

Ông G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm 1966; địa chỉ: Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà O vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện được nộp vào ngày 08/01/2020 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án ông Trần Trường G là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/01/2010, bà Nguyễn Thị Ngọc O có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều

kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với Ngân hàng S. Căn cứ vào thu nhập của bà O, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng (thay đổi theo từng thời kỳ đổi lãi suất của Ngân hàng S), lãi suất nợ quá hạn 150% của lãi suất được công bố tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Trong quá trình sử dụng thẻ bà O đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 26/8/2017, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 01/9/2020, bà O còn nợ số tiền nợ gốc là 2.530.991 đồng và tiền lãi quá hạn là 3.001.263 đồng, tổng cộng bà O nợ Ngân hàng S là 5.532.254 (năm triệu năm trăm ba mươi hai nghìn hai trăm năm mươi bốn) đồng. Nay Ngân hàng S yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc O có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 5.532.254 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà O còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 02/9/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn trên số nợ gốc quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà bà O đã ký.

Nguyên đơn Ngân hàng S do ông Trần Trường G làm đại diện có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời ông G xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ngọc O phải thanh toán ngay số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 01/9/2020 là 5.532.254 đồng, trong đó, số tiền nợ gốc là 2.530.991 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.001.263 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 02/9/2020 cho đến khi bà O thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/01/2010 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc O trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải và dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tuy nhiên còn tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn trễ hạn và chưa đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc O trả số tiền còn nợ, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Theo Kết quả cung cấp thông tin của Công an Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc O có hộ khẩu thường trú tại số Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, đã bán nhà vào tháng 5/2017, bà O đi không trình báo và hiện không rõ nơi cư trú của bà O. Do đó, căn cứ vào điểm e khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ tại Quận M là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng S do ông Trần Trường G làm đại diện có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần 2 tại phiên tòa dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

3.1 Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 2.530.991 đồng:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/01/2010 giữa Ngân hàng S và bà Nguyễn Thị Ngọc O có chữ ký và ghi tên Nguyễn Thị Ngọc O, các bảng sao kê chi tiết số tiền khách hàng đã trả và tiền lãi vay quá hạn, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định bà O đã sử dụng thẻ Tín dụng của Ngân hàng S nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 474 Bộ Luật dân sự 2005 quy định: “Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Vì vậy, xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 2.530.991 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

3.2 Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi quá hạn tính từ ngày 26/8/2017 đến ngày 01/9/2020 là 3.001.263 đồng:

Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và căn cứ vào Điểm c Khoản 4 Điều 13 và Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng thì: “*Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn*”.

Do bà O vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đến ngày 26/8/2017, Ngân hàng S chuyển nợ gốc sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận

tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S... là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà O thanh toán số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 26/8/2017 đến ngày 01/9/2020 với số tiền 3.001.263 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

Như vậy, căn cứ vào những nhận định trên phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở buộc bà Nguyễn Thị Ngọc O phải thanh toán cho Ngân hàng S số tiền còn nợ tính đến ngày 01/9/2020 là 5.532.254 đồng, trong đó, số tiền nợ gốc là 2.530.991 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.001.263 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 02/9/2020 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/01/2010 giữa Ngân hàng S với bà Nguyễn Thị Ngọc O.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng S không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Bà Nguyễn Thị Ngọc O phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ vào 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điểm c Khoản 4 Điều 13 và Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc O trả nợ.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc O có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền còn nợ tính đến ngày 01/9/2020 là 5.532.254 (năm triệu năm trăm ba mươi hai nghìn hai trăm năm mươi bốn) đồng, trong đó, số tiền nợ gốc là 2.530.991 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.001.263 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Ngọc O có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc còn thiếu tính từ ngày 02/9/2020 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/01/2010 và Bộ điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng S với bà Nguyễn Thị Ngọc O.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc O phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0015360 ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mỹ Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mỹ Duyên